

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM



TÌM HIỂU MỘT SỐ KIẾN THỨC VỀ TÀI CHÍNH

VỚI CUỘC SỐNG

MỤC TIÊU

- Hiểu sự khác biệt giữa tiết kiệm và đầu tư.
- Thực hành thiết lập kế hoạch đầu tư cá nhân để đạt được tỉ lệ tăng trưởng như mong đợi.

Tiết kiệm và đầu tư là các phương thức khác biệt đóng vai trò quan trọng trong kế hoạch xây dựng tài sản và phân bổ ngân sách chi tiêu của em. Bài học này giúp em thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn, đặc biệt là trong quản lý tài chính.



1. TIẾT KIỆM VÀ ĐẦU TƯ

» **HĐ1.** Tháng 1 năm 2018, mẹ Việt gửi tiết kiệm 2 000 000 000 đồng kì hạn 36 tháng ở ngân hàng với lãi suất 7%/năm. Đến tháng 1 năm 2021, mẹ Việt rút tiền tiết kiệm nêu trên để mua một căn hộ chung cư với giá 30 626 075 đồng/mét vuông.

- Hỏi tổng số tiền tiết kiệm mẹ Việt rút ra được vào tháng 1 năm 2021 là bao nhiêu?
- Với số tiền nêu trên, mẹ Việt mua được căn hộ chung cư với diện tích bao nhiêu mét vuông?

Gửi A đồng vào ngân hàng với lãi suất kép $r\%$ /năm, sau n năm, số tiền nhận được tính theo công thức:

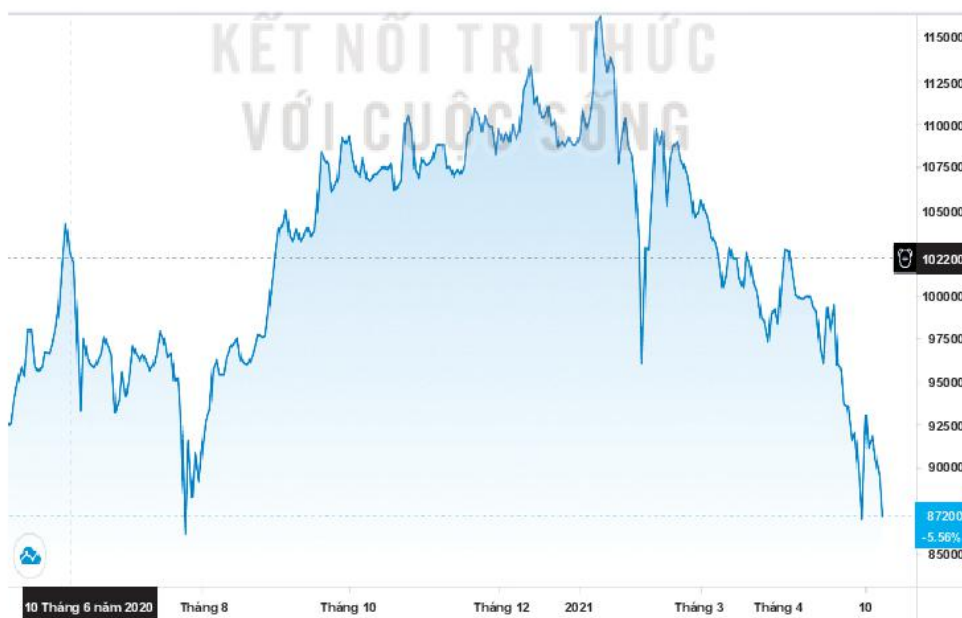
$$T = A \cdot (1 + r\%)^n.$$



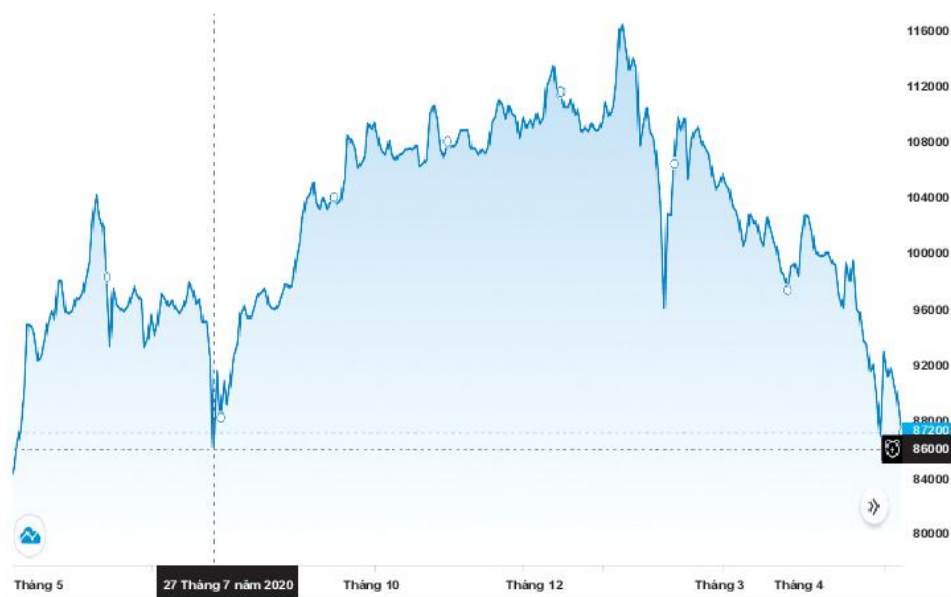
TRAO ĐỔI

Để mua được căn hộ 100 mét vuông ở thời điểm tháng 1 năm 2021, mẹ Việt cần phải gửi tiết kiệm từ tháng 1 năm 2018 bao nhiêu tiền?

» **HĐ2.** Cô Lan có 511 000 000 đồng và dự định đầu tư vào chứng khoán của công ty A. Biểu đồ chứng khoán của công ty A được cho trong Hình T.1 với những thời điểm khác nhau.



Hình T.1a



Hình T.1b



Hình T.1c



Hình T.1d

Thời gian	10-6-2020	27-7-2020	30-12-2020	10-5-2021
Giá mỗi cổ phiếu (đồng)	102 200	86 000	108 800	91 000
Số cổ phiếu	5 000	5 000	5 000	5 000
Tổng	511 000 000			

a) Nếu cô Lan bán 5 000 cổ phiếu của công ty A vào các thời điểm sau thì tổng số tiền tương ứng cô Lan thu được là bao nhiêu?

27-7-2020; 30-12-2020; 10-5-2021.

b) Nếu ngày 10-6-2020 cô Lan dùng số tiền 511 000 000 đồng để gửi tiết kiệm với lãi suất 6%/năm cho kì hạn một tháng thì ngày 10-5-2021, tổng số tiền cô Lan nhận được là bao nhiêu?

TRAO ĐỔI

a) Với tình huống trên, cô Lan nên đầu tư như thế nào để hiệu quả nhất?

b) Nếu so sánh giữa việc gửi tiết kiệm và đầu tư, cô Lan nên chọn hình thức nào?

Em có biết?

Tiết kiệm và đầu tư là nền tảng cho các hoạt động về tài chính.

Về cơ bản, có thể hiểu tiết kiệm là việc lưu giữ giá trị, biến sức mua hiện tại thành sức mua trong tương lai; còn đầu tư là nhằm gia tăng giá trị. Đầu tư liên quan đến việc đưa tài chính vào các khoản đầu tư, chẳng hạn như cổ phiếu, với hi vọng tài chính sẽ tăng lên.

► **Vận dụng 1.** Anh Tiến có 898 200 000 đồng dự định đầu tư. Anh Tiến mong muốn sau 2 năm sẽ nhận được số tiền (cả gốc lẫn lãi) là 1 tỉ đồng. Ngày 9-12-2020, anh Tiến quyết định đầu tư mua cổ phiếu của công ty B. Giá mỗi cổ phiếu là 24 950 đồng. Biểu đồ chứng khoán của công ty B được cho trong Hình T.2.



Hình T.2

Dựa vào biểu đồ trên, hãy tính số tiền mà anh Tiến thu được khi bán cổ phiếu của công ty B tại các thời điểm sau:

a) 15-3-2021;

b) 15-4-2021;

c) 18-5-2021.

2. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

HĐ3. Thuế suất biểu lũy tiến từng phần được phân loại chi tiết trong bảng sau:

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 05	5
2	Trên 05 đến 10	10
3	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 80	35

- Thuế thu nhập cá nhân là khoản tiền (thuế) mà người có thu nhập phải trích nộp một phần vào ngân sách nhà nước sau khi đã tính các khoản được giảm trừ. Các khoản giảm trừ thông thường bao gồm:

- Giảm trừ bản thân;
- Giảm trừ người phụ thuộc.

- Thuế suất thuế thu nhập cá nhân là tỉ lệ phần trăm dùng để tính số thuế phải nộp căn cứ vào phần thu nhập tính thuế của mỗi người.

a) Hãy lập công thức hàm số bậc nhất mô tả sự phụ thuộc của thuế thu nhập cá nhân vào phần thu nhập tính thuế/tháng với mức thu nhập tính thuế/tháng không quá 5 triệu đồng và vẽ đồ thị hàm số này.

b) Hãy lập công thức hàm số bậc nhất mô tả sự phụ thuộc của thuế thu nhập cá nhân vào phần thu nhập tính thuế/tháng với mức thu nhập tính thuế/tháng trên 5 triệu đồng và không quá 10 triệu đồng. Vẽ đồ thị hàm số này.

c) Anh Nam làm việc ở một ngân hàng với mức thu nhập chịu thuế đều đặn là 28 triệu đồng/tháng và có một người phụ thuộc (một con nhỏ dưới 18 tuổi). Hãy giúp anh Nam tính số thuế thu nhập cá nhân mà anh phải nộp trong một năm, biết rằng các khoản giảm trừ được tính bao gồm giảm trừ bản thân cho anh Nam (11 triệu đồng/tháng) và giảm trừ người phụ thuộc (4,4 triệu đồng/tháng cho mỗi người phụ thuộc).

- Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế – Các khoản giảm trừ.

- Thuế thu nhập cá nhân = Thu nhập tính thuế \times Thuế suất.

Vận dụng 2. Hãy sử dụng bảng thuế suất biểu lũy tiến từng phần được cho trong HĐ3 để xây dựng công thức tính thuế thu nhập cá nhân theo từng trường hợp (căn cứ vào phần thu nhập tính thuế).

MẠNG XÃ HỘI: LỢI VÀ HẠI

Ngày nay cùng với Internet, mạng xã hội đã trở nên quen thuộc với nhiều người. Một nhóm các bạn học sinh lớp 10A muốn tìm hiểu thực tế sử dụng mạng xã hội của các bạn trong lớp mình. Những vấn đề các bạn quan tâm là:

1. Lợi ích, bất lợi lớn nhất khi dùng mạng xã hội là gì?
2. Thời gian sử dụng mạng xã hội của các bạn trong lớp như thế nào?
3. Các bạn nam và bạn nữ có thời gian sử dụng mạng xã hội khác nhau không?



1. THU THẬP DỮ LIỆU

Các bạn trong nhóm đã lập một phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu như sau:

KHẢO SÁT VỀ SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI

1. Giới tính của bạn:
☐ Nữ ☐ Nam
2. Lợi ích lớn nhất mà mạng xã hội mang lại là (chọn một phương án):
☐ Kết nối với bạn bè ☐ Giải trí
☐ Thu thập thông tin ☐ Tìm hiểu thế giới xung quanh
3. Điều bất lợi lớn nhất khi sử dụng mạng xã hội là (chọn một phương án):
☐ Có nguy cơ tiếp xúc với những bài viết, hình ảnh, video, ý kiến tiêu cực, không thích hợp
☐ Thông tin cá nhân bị đánh cắp
☐ Có thể bị bắt nạt trên Internet
☐ Mất thời gian sử dụng Internet
4. Thời gian (ước lượng số phút) bạn sử dụng mạng xã hội trong một ngày:
.....

» **HĐ1.** Hãy dùng phiếu khảo sát theo mẫu trên, tiến hành thu thập dữ liệu với ít nhất 30 phiếu và ghi lại dữ liệu theo mẫu sau:

STT	Giới tính	Thời gian dùng mạng xã hội	Lợi ích	Bất lợi
1	Nam	60	3	2

Hình T.3

2. XỬ LÝ VÀ PHÂN TÍCH SỐ LIỆU

» **HĐ2.** Lợi ích và bất lợi của mạng xã hội

Để biết các bạn học sinh tham gia khảo sát đánh giá thế nào về lợi ích và bất lợi của mạng xã hội, hãy thực hiện các yêu cầu sau:

a) Lập bảng tần số của dữ liệu ý kiến về lợi ích/bất lợi của mạng xã hội theo mẫu sau:

Ý kiến	Kết nối với bạn bè	Giải trí	Thu thập thông tin	Tìm hiểu thế giới xung quanh
Số học sinh				

Bảng T.1

b) Rút ra nhận xét từ bảng tần số thu được.

» **HĐ3.** Thời gian sử dụng mạng xã hội

Hãy tính một số số đo thống kê mô tả được liệt kê trong Bảng T.2 của mẫu số liệu về thời gian sử dụng mạng xã hội:

Giá trị nhỏ nhất	Q_1	Số trung bình	Trung vị	Q_3	Mốt	Giá trị lớn nhất

Bảng T.2

Dựa trên những số đặc trưng tính được, hãy nêu nhận xét về thời gian sử dụng mạng xã hội của các học sinh được khảo sát.

» **HĐ4.** Thời gian sử dụng mạng xã hội của học sinh nam và học sinh nữ

a) Hãy tính số trung bình, trung vị, tứ phân vị của thời gian sử dụng mạng xã hội trên hai nhóm học sinh nữ và học sinh nam để so sánh thời gian sử dụng mạng xã hội của hai nhóm.

	Số trung bình	Q_1	Trung vị (Q_2)	Q_3
Nữ				
Nam				

Bảng T.3

- b) Hãy tính một vài số đo độ phân tán để so sánh sự biến động của thời gian sử dụng mạng xã hội trên hai nhóm học sinh.

	Khoảng biến thiên	Khoảng tứ phân vị	Độ lệch chuẩn
Nữ			
Nam			

Bảng T.4

3. GÓC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Ta có thể dùng máy tính cầm tay hoặc phần mềm bảng tính để tính các số đặc trưng của mẫu số liệu.

Sử dụng máy tính cầm tay

Giả sử khảo sát được thời gian sử dụng mạng xã hội của một số bạn như sau:

60 90 120 60 15 50 80 30 120 90.

Sử dụng máy tính cầm tay để tính những số đặc trưng của mẫu số liệu trên:

- ❶ Vào chế độ thống kê:

MODE **3** **1**

- ❷ Nhập số liệu vào máy:

6 **0** **=** **9** **0** **=** **1** **2** **0** **=** **6** **0** **=** **1** **5** **=** **5** **0** **=**

8 **0** **=** **3** **0** **=** **1** **2** **0** **=** **9** **0** **=**

- ❸ Tính số trung bình:

AC **SHIFT** **1** **4** **2** **=**

Ta được kết quả số trung bình là 71,5.

- ❹ Tính độ lệch chuẩn:

AC **SHIFT** **1** **4** **3** **=**

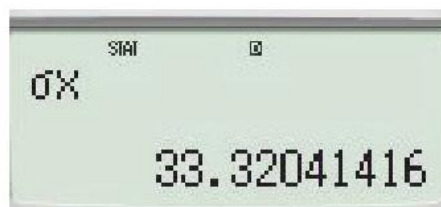
Ta được kết quả độ lệch chuẩn là $s = 33,32041416$.

Chú ý. Để tính đại lượng:

$$\hat{s} = \sqrt{\frac{(x_1 - \bar{x})^2 + (x_2 - \bar{x})^2 + \dots + (x_n - \bar{x})^2}{n-1}}$$

ta ấn **AC** **SHIFT** **1** **4** **4** **=**

Kết quả là $\hat{s} = 35,12280045$.



Sử dụng phần mềm bảng tính

Với những mẫu số liệu lớn hơn, phần mềm thống kê sẽ giúp cho việc xử lý dữ liệu trở nên nhanh chóng và chính xác. Những hướng dẫn sau được minh họa trên số liệu về điểm thi khảo sát môn Tiếng Anh (thang điểm 100) của 45 học sinh:

32 75 59 66 69 44 29 66 58 72 65 62 88 71 60
64 68 69 57 60 72 54 65 62 90 61 59 68 56 42
69 67 67 55 66 72 55 61 71 70 65 61 60 60 79

a) Dùng các hàm tính số đặc trưng

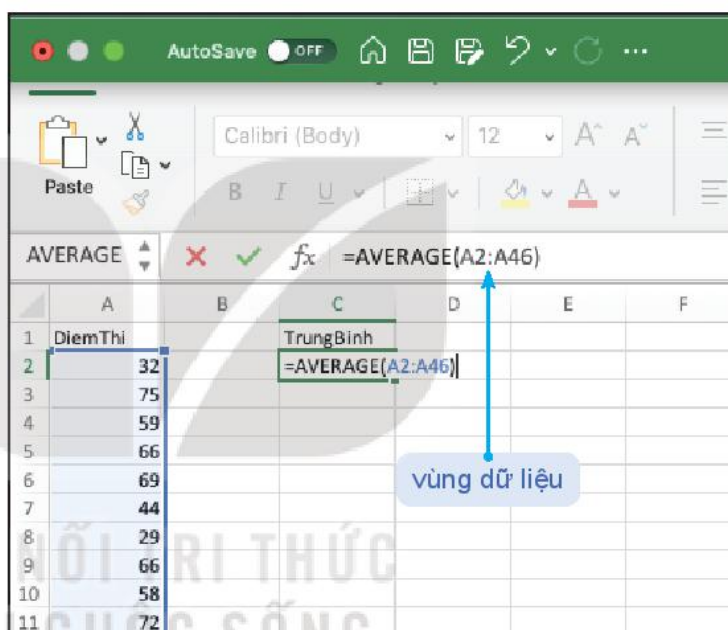
Việc tính các số đặc trưng của một mẫu số liệu có thể thực hiện trên phần mềm bảng tính nhờ những hàm có sẵn. Chẳng hạn, để tính số trung bình ta làm như sau:

❶ Nhập số liệu vào một cột của bảng tính.

❷ Tại một ô trống để chứa kết quả gõ:

= AVERAGE(vùng dữ liệu)

Trong ví dụ trên kết quả trả về giá trị trung bình của mẫu số liệu là 63,13 (H.T.4).



Hình T.4

Để tính những số đặc trưng khác em hãy thay hàm AVERAGE bởi hàm thích hợp theo bảng sau:

Số đặc trưng	Hàm
Số trung bình	AVERAGE
Trung vị	MEDIAN
Mốt	MODE
Tứ phân vị	QUARTILE

Bảng T.5. Danh sách hàm để tính số đo xu thế trung tâm

Số đặc trưng	Hàm
Giá trị nhỏ nhất	MIN
Giá trị lớn nhất	MAX
Phương sai	VAR, VARP
Độ lệch chuẩn	STDEV, STDEVP

Bảng T.6. Danh sách hàm để tính số đo độ phân tán

- Tính số trung bình, trung vị, mốt (H.T.5).

= AVERAGE(A2:A46)

= MEDIAN(A2:A46)

= MODE(A2:A46)

	A	B	C	D	E	F
1	DiemThi		TrungBinh	TrungVi	Mot	
2	32		63.1333333	65	60	
3	75					
4	59					
5	66					
6	69					
7	44					
8	29					
9	66					
10	58					
11	72					

Hình T.5

Chú ý. Hàm MODE sẽ trả về giá trị #N/A nếu mẫu số liệu không có giá trị lặp lại. Trong trường hợp mẫu số liệu có nhiều mốt thì phần mềm bảng tính hiển thị giá trị mốt nhỏ nhất.

- Tính tứ phân vị (H.T.6).

= QUARTILE(A2:A46,1)

= QUARTILE(A2:A46,2)

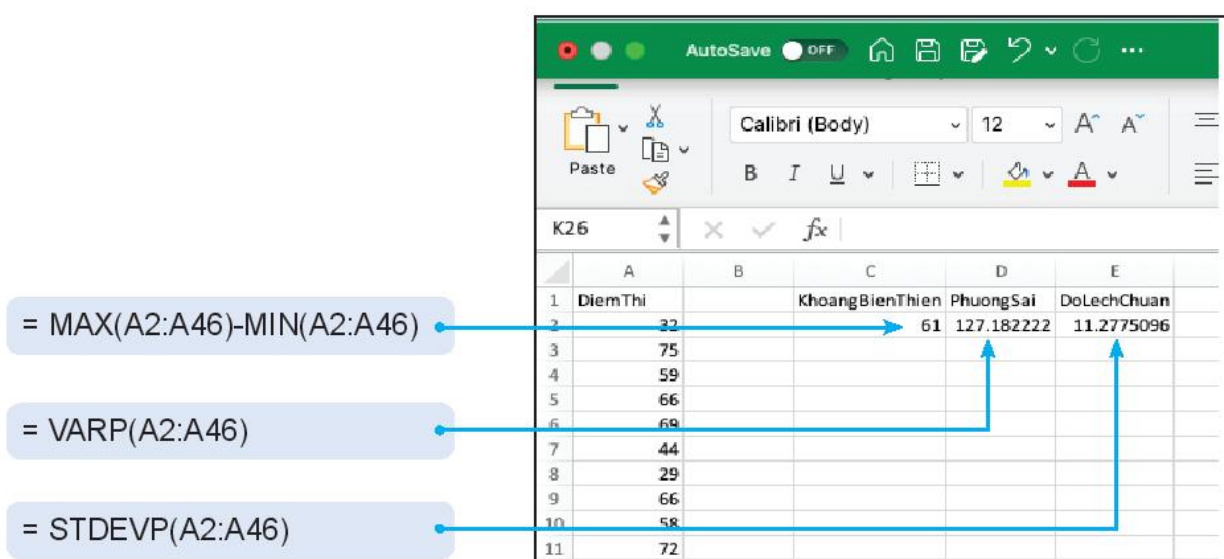
= QUARTILE(A2:A46,3)

	A	B	C	D	E	F
1	DiemThi		TuPhanViThu1	TuPhanViThu2	TuPhanViThu3	
2	32		59	65	69	
3	75					
4	59					
5	66					
6	69					
7	44					
8	29					
9	66					
10	58					
11	72					

Hình T.6

Chú ý. Kết quả tính tứ phân vị bằng phần mềm bảng tính có sự sai khác nhỏ so với cách tính được giới thiệu ở Bài 13 (do dùng công thức khác nhau).

- Tính phương sai, độ lệch chuẩn, khoảng biến thiên (H.T.7).



Hình T.7

Chú ý. Để tính \hat{s}^2 và \hat{s} ta thay VARP bởi VAR và thay STDEVP bởi STDEV.

b) Dùng chức năng phân tích dữ liệu trên thanh công cụ

Ngoài các hàm tính các số đặc trưng riêng lẻ, phần mềm bảng tính cho phép in ra một bảng tổng hợp gồm nhiều số đặc trưng khác nhau. Cách thực hiện như sau:

- 1 Nhập số liệu vào một cột.
- 2 Trên menu chọn **Tools** → **Data Analysis** → **Descriptive Statistics**.
- 3 Tại **Input Range** chọn vùng dữ liệu (A1: A46). Nháy chọn **Label in first row**. Tại **Output Range** chọn một ô trống để xác định vị trí hiển thị kết quả tích và nháy chọn **Summary statistics**.

Chú ý

– Trong hình bên, phương sai và độ lệch chuẩn tính theo công thức tính \hat{s}^2 và \hat{s} tương ứng. Có một vài số đặc trưng chưa được giới thiệu trong phạm vi Toán 10.

– Để tính những số đặc trưng cho hai mẫu số liệu ta nhập số liệu vào hai cột và tiến hành tương tự.

Diem thi	
Mean	63.1333333
Standard Error	1.70014854
Median	65
Mode	60
Standard Deviation	11.4049431
Sample Variance	130.072727
Kurtosis	2.43808457
Kewness	-0.7116263
Range	61
Mininum	29
Maximum	90
Sum	2841
Count	45

Hình T.8

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

- B** Bất phương trình bậc nhất hai ẩn 22
 Bảng giá trị lượng giác của các góc đặc biệt 34
 Biểu thức tọa độ của tích vô hướng 68
 Bình phương vô hướng của một vector 67
- C** Công thức diện tích tam giác 41
 Công thức Heron 41
 Công thức khoảng cách giữa hai điểm 62
 Công thức tính góc giữa hai vector 66
- D** Điều kiện cần 8
 Điều kiện cần và đủ 8
 Điều kiện để ba điểm thẳng hàng 49
 Điều kiện để hai vector cùng phương 49
 Điều kiện đủ 8
 Định lí cosin 39
 Định lí sin 39
 Độ dài của vector 47
 Độ lệch chuẩn 86
 Đoạn 16
- G** Giá của một vector 48
 Giá trị lượng giác của một góc 34
 Giải tam giác 40
 Giao (của hai tập hợp) 17
 Góc giữa hai vector 66
- H** Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn 26
 Hệ thức lượng trong tam giác 38
 Hiệu (của hai tập hợp) 18
 Hiệu của hai vector 53
 Hợp (của hai tập hợp) 17
- K** Khoảng 16
 Khoảng biến thiên 84
 Khoảng tứ phân vị 85
 Kí hiệu \forall và \exists 10
- M** Mặt phẳng tọa độ 61
 Mệnh đề 6
 Mệnh đề chứa biến 7
- Mệnh đề đảo 9
 Mệnh đề kéo theo 8
 Mệnh đề phủ định 7
 Mệnh đề tương đương 9
 Mệnh đề toán học 6
 Miền nghiệm của bất phương trình bậc nhất hai ẩn 24
 Miền nghiệm của hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn 27
- N** Nửa đường tròn đơn vị 34
 Nửa khoảng 16
- P** Phần bù 18
 Phương sai 86
- Q** Quy tắc ba điểm 52
 Quy tắc hình bình hành 52
- S** Số trung bình 78
- T** Tập hợp 12
 Tập hợp bằng nhau 14
 Tập hợp con 14
 Tập rỗng 13
 Tích của vector với một số 55
 Tích vô hướng của hai vector 67
 Tính chất của phép cộng vector 51
 Tính chất của phép nhân vector với một số 57
 Tính chất của tích vô hướng 69
 Tọa độ của vector 61
 Tổng của hai vector 51
 Trung vị 79
 Tứ phân vị 80
- V** Vector 47
 Vector bằng nhau 48
 Vector cùng hướng 48
 Vector cùng phương 48
 Vector đối 52
 Vector đơn vị 60
 Vector ngược hướng 48
 Vector-không 48

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Giải thích
Biểu diễn miền nghiệm của bất phương trình bậc nhất hai ẩn	Biểu diễn trên mặt phẳng tọa độ Oxy miền nghiệm của bất phương trình bậc nhất hai ẩn
Biểu diễn miền nghiệm của hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	Biểu diễn trên mặt phẳng tọa độ Oxy giao các miền nghiệm của các bất phương trình bậc nhất hai ẩn trong hệ
Biểu đồ Ven	Hình phẳng giới hạn bởi một đường cong khép kín dùng để minh họa tập hợp
Định lý toán học	Mệnh đề đúng và thường có dạng $P \Rightarrow Q$. Khi đó P gọi là giả thiết, Q gọi là kết luận của định lý
Độ chính xác	Cận trên nhỏ nhất của sai số tuyệt đối
Độ lệch chuẩn	Căn bậc hai của phương sai
Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	Hệ gồm một số bất phương trình bậc nhất hai ẩn x, y
Hệ thức lượng trong tam giác	Hệ thức về mối liên hệ giữa các yếu tố trong một tam giác
Khoảng biến thiên	Hiệu giữa giá trị lớn nhất và giá trị bé nhất trong mẫu số liệu
Khoảng tứ phân vị	Hiệu giữa tứ phân vị thứ ba và tứ phân vị thứ nhất
Mệnh đề	Một phát biểu khẳng định một sự kiện nào đó, mà khẳng định đó chỉ nhận một trong hai giá trị “đúng” hoặc “sai”
Miền nghiệm của bất phương trình bậc nhất hai ẩn	Tập hợp các điểm trong mặt phẳng tọa độ Oxy có tọa độ là nghiệm của bất phương trình bậc nhất hai ẩn
Miền nghiệm của hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	Giao các miền nghiệm của các bất phương trình bậc nhất hai ẩn trong hệ
Mốt	Số xuất hiện nhiều nhất trong mẫu số liệu
Phép chứng minh định lý $P \Rightarrow Q$	Phép chứng minh mệnh đề $P \Rightarrow Q$ là đúng, bao gồm các bước sau: Giả thiết mệnh đề P là đúng; dùng suy luận và các kiến thức toán học đã biết, chứng minh mệnh đề Q là đúng; kết luận mệnh đề $P \Rightarrow Q$ là đúng
Phương sai	Số đo độ phân tán của mẫu số liệu được tính dựa trên thông tin của tất cả các giá trị trong mẫu số liệu
Số gần đúng	Số dùng để xấp xỉ cho số đúng
Sai số tuyệt đối	Khoảng cách giữa số gần đúng và số đúng
Sai số tương đối	Tỉ số giữa sai số tuyệt đối và giá trị tuyệt đối của số gần đúng
Số quy tròn	Số thu được sau khi thực hiện làm tròn số
Số trung bình	Trung bình cộng của mẫu số liệu
Trung vị	Số chia đôi mẫu số liệu được sắp xếp theo thứ tự từ nhỏ đến lớn
Tứ phân vị	Các số chia mẫu số liệu được sắp theo thứ tự từ nhỏ đến lớn thành 4 phần, mỗi phần chứa 25% giá trị

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: LƯU THẾ SƠN – HOÀNG VIỆT

Biên tập mỹ thuật: NGUYỄN BÍCH LA

Thiết kế sách: PHAN THỊ THU HƯƠNG

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Minh họa: BÙI VIỆT DUY

Sửa bản in: PHAN THỊ THANH BÌNH

Chế bản: CTCP MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2021) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TOÁN 10 – TẬP MỘT

Mã số: ...

In ... bản, (QĐ ...) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: ...

Cơ sở in: ...

Số ĐKXB: .../CXBIPH/.../GD.

Số QĐXB: .../QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: ...



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Toán 10, tập một
2. Toán 10, tập hai
3. Chuyên đề học tập Toán 10
4. Ngữ văn 10, tập một
5. Ngữ văn 10, tập hai
6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10
7. Lịch sử 10
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 10
9. Địa lí 10
10. Chuyên đề học tập Địa lí 10
11. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
12. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
13. Vật lí 10
14. Chuyên đề học tập Vật lí 10
15. Hoá học 10
16. Chuyên đề học tập Hoá học 10
17. Sinh học 10
18. Chuyên đề học tập Sinh học 10
19. Công nghệ 10 – Thiết kế và Công nghệ
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 – Thiết kế và Công nghệ
21. Công nghệ 10 – Công nghệ trồng trọt
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 – Công nghệ trồng trọt
23. Tin học 10
24. Chuyên đề học tập Tin học 10 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Chuyên đề học tập Tin học 10 – Định hướng Khoa học máy tính
26. Mĩ thuật 10 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
27. Mĩ thuật 10 – Thiết kế đồ hoạ
28. Mĩ thuật 10 – Thiết kế thời trang
29. Mĩ thuật 10 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
30. Mĩ thuật 10 – Li luận và lịch sử mĩ thuật
31. Mĩ thuật 10 – Điêu khắc
32. Mĩ thuật 10 – Kiến trúc
33. Mĩ thuật 10 – Hội hoạ
34. Mĩ thuật 10 – Đồ hoạ (tranh in)
35. Mĩ thuật 10 – Thiết kế công nghiệp
36. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 10
37. Âm nhạc 10
38. Chuyên đề học tập Âm nhạc 10
39. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10
40. Giáo dục thể chất 10 – Cầu lông
41. Giáo dục thể chất 10 – Bóng đá
42. Giáo dục Quốc phòng và An ninh 10
43. Tiếng Anh 10, tập một
44. Tiếng Anh 10, tập hai

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



Giá: đ